

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghe tiếng Trung trung cấp 2		
Mã học phần:	71MAL540112	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71MAL540112_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	40	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (40 câu – 5 điểm)

Câu 1: 听句子, 听后判断 A 和 B 哪个与你听到的句子意思相同 (20 题, 每题 0.1 分)

1.

- A. 我高, 他矮。
B. 我矮, 他高。

ANSWER: A

2.

- A. 他没我胖
B. 他比我胖。

ANSWER: A

3.

- A. 他以前胖, 现在更胖。

B. 他以前瘦,现在胖了。

ANSWER: A

4.

A. 你矮,我高。

B. 你高,我矮。

ANSWER: A

5.

A. 他去银行存钱。

B. 他去银行取钱。

ANSWER: A

6.

A. 请告诉我您的身份证号码。

B. 请告诉我您的护照号码。

ANSWER: A

7. 你怎么这么快就回来了?(A)

A. 你回来得真快。

B. 你回来得真慢。

ANSWER: A

8.

A. 他每个月的生活费没有都存到银行。

B. 他每个月的工资都存到银行了。

ANSWER: A

9.

A. 这件衣服大了一点儿。

B. 这件衣服小了一点儿。

ANSWER: A

10.

A. 你戴红色的帽子很好看。

B. 你戴黑色的帽子很好看。

ANSWER: A

11.

A. 女人每次看到便宜的东西就想买。

B. 男人每次看到便宜的东西就想买。

ANSWER: A

12.

A. 每样东西她都想买。

B. 什么东西她都买了。

ANSWER: A

13.

A. 今天我请大家吃晚饭。

B. 今天你请大家吃晚饭。

ANSWER: A

14.

- A. 我们一人要一杯咖啡。
- B. 我们每人要两杯咖啡。

ANSWER: A

15.

- A. 吃完了饭, 他们自己付了自己的钱。
- B. 吃完了饭, 他给大家付了钱。

ANSWER: A

16.

- A. 我的朋友给我做了满桌子的菜。
- B. 我的朋友给我做了一个菜。

ANSWER: A

17.

- A. 这趟列车是从北京到西安的。
- B. 这趟列车是从西安到北京的。

ANSWER: A

18.

- A. 退票时间最少比发车时间早两小时。
- B. 退票时间最多比发车时间早两小时。

ANSWER: A

19.

- A. 您坐的那趟列车已经开走了。

B. 您坐的那趟列车快要发车了。

ANSWER: A

20.

A. 我同意您说的。

B. 我不同意您说的。

ANSWER: A

Câu 2: 选择正确答案 (20 题, 每题 0.15 分)

1.

A 房子不租了

B 不能上网了

C 迟到了

D 打错电话了

ANSWER: A

2.

A 休息

B 出差

C 加班

D 购物

ANSWER: A

3.

A 做凉菜

B 做汤

C 做饮料

D 加点儿盐

ANSWER: A

4.

A 教师

B 大夫

C 律师

D 售货员

ANSWER: A

5.

A 菜好吃

B 菜贵

C 太远

D 菜很咸

ANSWER: A

6.

A 半个小时

B 10 分钟

C 一个小时

D 一个半小时

ANSWER: A

7.

A 幽默的

B 耐心的

C 诚实的

D 帅的

ANSWER: A

8.

A 要办签证

B 是位翻译

C 要办护照

D 在使馆工作

ANSWER: A

9.

A 法律

B 经济

C 艺术

D 语言

ANSWER: A

10.

A 着急

B 吃惊

C 轻松

D 兴奋

ANSWER: A

11.

A 开会

B 报名

C 上课

D 看电影

ANSWER: A

12.

A 流鼻血了

B 感冒了

C 饿了

D 压力太大

ANSWER: A

13.

A 来得及

B 来不及了

C 速度太慢了

D 航班推迟了

ANSWER: A

14.

A 小李

B 经理

C 司机

D 护士

ANSWER: A

15.

A 很吸引人

B 让人失望

C 比较一般

D 不成功

ANSWER: A

16.

A 同事

B 邻居

C 夫妻

D 亲戚

ANSWER: A

17.

A 经过的省市

B 长度

C 风景

D 历史

ANSWER: A

18.

A 太累

B 得意

C 感动

D 怀疑

ANSWER: A

19.

- A 在读博士
- B 在读硕士
- C 在找工作
- D 想出国留学

ANSWER: A

20.

- A. 9:30
- B. 8:30
- C. 9:00
- D. 8:00

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu – 5 điểm)

Câu 3: 听两遍课文，回答问题 （3 题，每题 1 分）

一、

填空

1. _____ 几点了?你还在看电视剧?
2. 马上就要_____ 完了。
3. 你_____ 遥控器给我。
4. 刚才我看了_____ 北京队输了两个球呢。

回答问题

1. 女的看的电视剧一共多少集?
2. 北京队赢了还是上海队赢了?

二、

填空

1. 先生, 您能帮我一个_____ 吗?
2. 您_____。

3. _____叫您合适呢?
4. 我_____以后马上办理结账手续可以吗?

回答问题

1. 女的明天早上想几点起床?
2. 女的打算什么时候离开旅馆?

三、

填空

1. 我_____前很着急, 没来得及买吃的东西, 现在有点儿饿了。
2. 我这儿有_____, 给您一个。
3. 11 点的时候广播了, 说餐车在 10 号车厢, 可是那时您_____了。
4. 餐车_____到 3 点, 现在去来不及了。

回答问题

1. 餐车在第几号车厢?
2. 现在去餐车吃饭还来得及吗?

Câu 4: 听两遍课文, 回答问题 (4 题, 每题 0.5 分)

1. 男孩为什么要喊“狼来了”?
2. 村民们最初是如何回应男孩的呼喊的?
3. 当真正的狼来了时, 村民们为什么没有相信男孩?
4. 这个故事给我们什么教训?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1: 1 – 20	A	0.1	
Câu 2: 1 – 20	A	0.15	
II. Tự luận		5.0	
Câu 3	填空: 都, 演, 把, 一下 58 集	3.0	

	上海队 填空:忙, 请说, 几点, 起来 7 点半 明天早上 填空:上车, 面包, 睡着, 开饭 10 号 来不及		
Câu 4	Trả lời câu trả lời đúng trọng tâm, diễn đạt đúng ngữ pháp.	22	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người duyệt đề
Đã kí

Giảng viên ra đề
Đã kí

TS. Phạm Đình Tiến

ThS. Hà Thị Minh Trang